

Bản án số: 79/2023/DS-ST.

Ngày: 16-11-2023.

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự  
góp họ (hụi)”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thậm.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Út Tím và ông Trần Hoàng Hân.*

**- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú** – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố R.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 323/2022/TLST-DS ngày 12/12/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-DS ngày 22/09/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2023/QĐST-DS ngày 20/10/2023, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** *Chị Nguyễn Thị Diễm Th, sinh năm 1985 (vắng mặt).*

Địa chỉ: B13 – Lô 64 Đường NAN, phường VB, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Hoàng X, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp CN, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang theo Giấy ủy quyền lập tại Văn phòng Công chứng Ngô Minh Thuê, số công chứng 00002398 quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/5/2023 (có mặt).

**\* Bị đơn:**

**- Bà Trần Thị Ngọc A** (tên gọi khác: *Trần Thị Ngọc L, Năm L*), sinh năm 1959 (có mặt);

**- Ông Đỗ Minh Đ**, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 34B đường ĐBP, phường VQ, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**\* Chị Nguyễn Thị Diễm Th trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Vào các năm 2019, 2020 và 2021, nguyên đơn chị Th có tham gia ba chân hội đầu thảo do bà Trần Thị Ngọc A tên thường gọi là Lê và ông Đỗ Minh Đ làm chủ. Sau khi các chân hội kết thúc, bà A và ông Đ còn nợ chị Th tổng số tiền là 492.600.000đ (bốn trăm chín mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng); trong đó, tiền nợ hội gốc là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 42.600.000đ (bốn mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Trong quá trình hoà giải tại Toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm Th tự nguyện tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nên yêu cầu bà A và ông Đ có nghĩa vụ trả cho chị Th tổng số tiền nợ hội gốc và lãi là 483.600.000đ (bốn trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) trong thời hạn 01 tháng dứt nợ.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn bà Trần Thị Ngọc A trình bày cụ thể như sau:** Bà A xác nhận có làm chủ hội để hưởng hoa hồng các dây hội như nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày. Hiện nay, còn nợ chị Nguyễn Thị Diễm Th số tiền hội gốc là 351.920.000đ (ba trăm năm mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 132.370.000đ (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng); tổng số tiền hội gốc và lãi còn nợ chị Nguyễn Thị Diễm Th là 483.600.000đ (bốn trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Do các hội viên đã hót hội (hội chết) làm ăn thất bại, đã bỏ đi khỏi địa phương chưa thu hồi được nên bà A xin nguyên đơn bỏ phần lãi và chỉ trả phần tiền hội gốc là 351.920.000 đồng.

Trường hợp nguyên đơn không đồng ý bỏ phần tiền lãi thì bà A xin trả dần số tiền gốc và lãi trong thời hạn 07 tháng dứt nợ.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Đỗ Minh Đ có ý kiến trình bày:** Về phần hội của bà A thì ông Đ không biết gì về sổ sách mà chỉ đi gom tiền hội cho bà A. Những lúc bà A bận thì viết giấy nhờ ông Đ đi gom tiền giùm cho bà A.

### **\* Tại phiên tòa:**

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà A và ông Đ phải trả tổng số tiền nợ hội gốc và lãi là 483.600.000đ (bốn trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày xét xử. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn bà Trần Thị Ngọc A: Xác định có nợ chị Th tổng số tiền nợ hội gốc và lãi là 483.600.000đ (bốn trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), xin nguyên đơn giảm phần tiền lãi 132.370.000đ (một trăm ba mươi hai triệu ba

trăm bảy mươi nghìn đồng và chỉ xin trả phần tiền nợ hui gốc là 351.920.000đ (ba trăm năm mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) trong thời hạn 07 tháng dứt nợ.

- Bị đơn ông Đỗ Minh Đ vắng mặt phiên toà không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm Th khởi kiện bị đơn bà Trần Thị Ngọc A và ông Đỗ Minh Đ có địa chỉ tại số 34B Điện Biên Phủ, phường VQ, thành phố R, tỉnh Kiên Giang yêu cầu trả tiền nợ hui nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Hợp đồng dân sự góp họ (hui)” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Đỗ Minh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt phiên tòa không lý do. Tại phiên tòa, các đương sự có mặt đồng ý xét xử vắng mặt ông Đỗ Minh Đ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Minh Đ.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Diễm Th căn cứ vào các chứng cứ gồm Tờ kê tiền hui của Th, Sổ hui, Giấy giao hui có chữ ký nhận và có xác nhận của bà Trần Thị Ngọc A (Trần Thị Ngọc Lệ) để yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Ngọc A và ông Đỗ Minh Đ phải trả tổng số tiền nợ hui gốc và lãi là 492.600.000đ (bốn trăm chín mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi tổng số tiền nợ hui yêu cầu bị đơn phải trả là 483.600.000đ (bốn trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng); trong đó: Tiền nợ hui gốc là 351.920.000đ (ba trăm năm mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi hui là 132.370.000đ (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Xét nội dung trình bày của bị đơn, tại phiên hoà giải ngày 03/8/2023, bị đơn đã xác nhận có nợ chị Th tổng số tiền hui gốc và lãi là 483.600.000đ (bốn trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng); trong đó: Tiền nợ hui gốc là 351.920.000đ (ba trăm năm mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi hui là 132.370.000đ (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Nhưng tại phiên tòa, bà A trình bày số tiền nêu trên không chính xác, do bà chưa có thời gian để cộng sổ sách nhưng không cung cấp được chứng cứ

chứng minh cho lời khai nại của bà A là có căn cứ. Đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày Toà án xét xử, bị đơn được quyền tự trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng chứng minh, tại các phiên hoà giải ý kiến trình bày của bà A là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi được HĐXX cho xem lại bản tự khai đề ngày 05/5/2023 và các bản tự khai khác do bà A tự trình bày thì bà A xác nhận thống nhất số tiền nợ hui gốc là 351.920.000 đồng và tiền nợ lãi hui là 132.370.000 đồng và yêu cầu do kinh tế gia đình đang khó khăn nên xin gia hạn đến ngày 30 tháng 12 năm 2023 âm lịch sẽ trả số tiền nợ hui gốc 351.920.000 đồng cho nguyên đơn, xin nguyên đơn bỏ phần tiền lãi hui 132.370.000 đồng. Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn chỉ đồng ý gia hạn về thời gian trả tiền nhưng không đồng ý giảm toàn bộ số tiền lãi hui nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên toà, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn tự nguyện giảm cho bị đơn số tiền nợ hui là 23.600.000đ (hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ hui còn lại là 460.000.000đ (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Xét việc tự nguyện của đại diện nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

Mặt khác, bà Trần Thị Ngọc A và ông Đỗ Minh Đ thống nhất xác nhận những lúc bà A bận công việc thì ông Đỗ Minh Đ đi gom tiền hui giùm bà A và bà A trình bày mục đích làm chủ hui để hưởng tiền hoa hồng (tiền thảo), nhằm mục đích kinh tế và số tiền hoa hồng thu được sẽ sử dụng xoay vòng để duy trì hoạt động của các dây hui khác nhưng luôn phải bù lỗ vì bị một số hui viên hót hui xong bỏ địa phương đi không thu hồi được tiền hui chết. Xét thấy, bà A và ông Đ là vợ chồng hợp pháp và đang cùng chung sống tại địa chỉ số 34B Điện Biên Phủ, phường VQ, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Trong thời kỳ hôn nhân, bà A và ông Đ cùng chăm lo đời sống kinh tế chung của gia đình. Theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định “1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 30...”. Và khoản 1, điều 30 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mặc dù ông Đ không phải là chủ hui và không trực tiếp quản lý về sổ sách các dây hui nhưng ông có tham gia vào việc đi gom tiền hui và không phản đối việc bà A làm chủ hui. Do đó, cần buộc ông Đỗ Minh Đ và bà Trần Thị Ngọc A phải có trách nhiệm cùng trả khoản nợ hui trên cho chị Th.

Đối với trình bày của bà A về việc các hui viên khác trong dây hui bỏ trốn, không thực hiện nghĩa vụ với bà nên bà không có tiền trả cho nguyên đơn. Xét thấy, vấn đề bà trình bày không phát sinh tranh chấp trong vụ kiện này và cũng không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Th nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu bà A có phát sinh tranh chấp với những người nợ tiền bà thì bà có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Từ những phân tích như trên, Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 giao dịch giữa chị Th với bà A đủ các điều kiện để giao dịch có hiệu lực, bà A, và ông Đ là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm đối với giao dịch đã xác lập. Căn cứ vào các Điều 351, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà A và ông Đ phải cùng có nghĩa vụ trả cho chị Th tổng số tiền nợ nợ hui gốc và lãi là 460.000.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm Th được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí. Đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc A, ông Đỗ Minh Đ là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117; Điều 351; Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử :**

**1.** Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm Th về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hui) đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc A và ông Đỗ Minh Đ.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc A và ông Đỗ Minh Đ cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Diễm Th tổng số tiền nợ hui gốc và lãi là 460.000.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà A và ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bà A và ông Đ còn phải trả cho chị Th thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền còn nợ tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

### **2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc A và ông Đỗ Minh Đ không phải nộp án phí do ông bà thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm Th được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.840.000đ (mười một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009929 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**3. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/11/2023). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Văn Thâm**